

Số: /UBND-NN

Đức Thọ, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN

Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện Đức Thọ giai đoạn 2024 - 2030

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm và nguồn sống cho hàng tỷ người trên khắp thế giới. Trong đó, nông nghiệp vô cơ dựa vào việc sử dụng hóa chất tổng hợp và phân bón hóa học đã đóng góp rất lớn vào sản xuất lương thực để đáp ứng nhu cầu của dân số toàn cầu. Tuy nhiên, nó cũng sinh ra nhiều tác hại cho con người và môi trường như: dư lượng các hóa chất và chất độc hại trong phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có thể gây hại cho sức khỏe của người lao động, người tiêu dùng ... Các chất như nitrat, amoniac, kim loại nặng có trong phân bón gây ô nhiễm nước ngầm, sông, hồ, đất đai làm ảnh hưởng đến cuộc sống cộng đồng dân cư trong vùng bị ô nhiễm. Việc sử dụng quá nhiều phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật làm ảnh hưởng xấu đến sự đa dạng sinh học và hệ sinh thái tự nhiên, giảm sự tái tạo của đất, làm cho đất trở nên cạn kiệt, làm cho cây trồng trở nên yếu đuối và dễ bị tấn công bởi sâu, bệnh. Do đó, việc khuyến khích chuyển đổi từ nông nghiệp vô cơ sang nông nghiệp hữu cơ trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Nông nghiệp hữu cơ với việc không sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất đã đảm bảo được sự an toàn của các sản phẩm nông nghiệp với sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển nông nghiệp hữu cơ đã và đang là xu hướng của Việt Nam khi áp lực về lương thực giảm đi, trong khi áp lực về an toàn thực phẩm, chất lượng nông sản và môi trường tăng lên. Do vậy, nông nghiệp hữu cơ là một trong những hướng đi của nông nghiệp Hà Tĩnh nói chung và Đức Thọ nói riêng. Để bắt kịp được xu hướng đó cũng như tạo ra được các sản phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận đạt hữu cơ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và đáp ứng với yêu cầu của thị trường thì việc ban hành “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2024-2030 của huyện Đức Thọ” là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 30/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh về Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách

trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh quy định các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đức Thọ;

- Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030”;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 28/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng huyện Đức Thọ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 28/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế Nông nghiệp – nông thôn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 10/10/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 40-CT/HU ngày 28 tháng 3 năm 2024 của BTV Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2024-2025 và những năm tiếp theo.

III. KHÁI QUÁT MỘT SỐ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM HUYỆN ĐỨC THỌ

1. Vị trí địa lý

Huyện Đức Thọ nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh; phía Bắc giáp huyện Nam Đàn, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; phía Nam giáp huyện Vũ Quang; huyện Can Lộc; phía Đông giáp Thị xã Hồng Lĩnh; phía Tây giáp huyện Hương Sơn. Sau sáp nhập đơn vị hành chính huyện còn 16 đơn vị hành chính gồm 15 xã và 1 thị trấn. Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên: 20.349,11ha; dân số có 31.835 hộ với hơn 101.562 người. Có 16 đơn vị hành chính (15 xã, 1 thị trấn). Huyện có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua dài 17,5 km, có 2 nhà Ga (Yên Trung, Đức Lạc). Có đường Quốc lộ 8 nối với đất nước Lào dài 16km, quốc lộ 281 dài 19,5km và Quốc lộ 15 dài 14,5 km; đường Tỉnh lộ 552 dài 8km, Tỉnh lộ 554 dài 14km, có tuyến đường sông dài trên 40 km và 16km đường đê La Giang chạy qua địa bàn huyện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

Tính đến ngày 31/12/2023, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Đức Thọ là 20.349,84ha; diện tích đất nông nghiệp là 14.148ha; chiếm 69,52% so với tổng diện tích đất tự nhiên của huyện.

2. Khí hậu, thủy văn

- Khí hậu: năm chịu ảnh hưởng khí hậu chuyển tiếp của miền Bắc và miền Nam, đặc trưng khí hậu nhiệt đới điển hình của miền Nam và có mùa giá lạnh của miền Bắc, do vậy Đức Thọ có hai miền khí hậu rõ rệt: Mùa hè nhiệt độ lên tới 38 - 40 °C, mùa đông nhiệt độ có lúc hạ xuống dưới 10°C, mùa mưa thường có mang

theo bão lũ kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11, lượng mưa bình quân hàng năm 1.800 - 2.700mm. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau, mùa nắng gay gắt có gió Tây Nam (gió Lào)mang theo khí hậu khô nóng, lượng nước bốc hơi lớn.

- Thủy văn: Đức Thọ có nguồn tài nguyên nước phong phú với nhiều sông, suối chảy qua: sông Ngàn Sâu dài 27 km, sông Ngàn Phố dài 2 km, sông La dài 17 km, sông Lam dài 7 km, 28 hồ đập, dung tích 6,5 triệu m³. Với hệ thống sông, suối, hồ đập thủy lợi khá nhiều là điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển.

3. Đặc điểm địa hình

Đức Thọ nằm trên một dải đất hẹp với đường Quốc lộ 8A là 16km, chiều rộng tính theo trục đường tỉnh lộ 5 đi qua đường 8B đến Đức Châu dài 25km, với đầy đủ các dạng địa hình, có đồi núi, gò đồi, thung lũng, đồng bằng, với không gian hẹp, trong đó đất đồi núi và đất rừng chiếm 10,5% diện tích đất tự nhiên. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và bị chia cắt mạnh, phía Tây Nam của huyện chủ yếu là núi thoải chạy dọc ven trà sơn, còn vùng núi dốc là ở những vùng giáp địa hình hành chính huyện Vũ Quang, Can Lộc, xen giữa địa hình đồi núi là thung lũng nhỏ hẹp tạo ra những đầm lầy sâu và bầu nước chảy ra lưu vực sông Ngàn Sâu đổ ra Sông La. Huyện Đức Thọ được chia thành 03 vùng: Vùng Thượng Đức – Trà Sơn; Vùng Thị Trấn và ven thị Trấn; Vùng Lúa và Vùng Ngoài đê.

PHẦN I.

TÌNH HÌNH CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ VÀ THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ HUYỆN ĐỨC

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI ĐỨC THỌ

Trong những năm qua, ngành Nông nghiệp huyện Đức Thọ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Sản xuất nông nghiệp dần chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, áp dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước sản xuất gắn với quảng bá và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Giá trị sản xuất đạt 115,5 triệu đồng/ha (tính đến cuối năm 2023); bước đầu hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa; Ngành chăn nuôi của huyện nhà phát triển ổn định, hiện nay toàn huyện có 20 mô trang trại quy mô lớn và vừa sản xuất theo chuỗi liên kết đã áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất từ đó giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi. Sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện thời gian gần đây đã và đang được các cấp, các ngành và các địa phương quan tâm. Sản xuất Nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ bước đầu đạt được một số kết quả, cụ thể:

1. Lĩnh vực trồng trọt

+ *Cây lúa:*

Là vùng trọng điểm sản xuất lúa của tỉnh, hằng năm toàn huyện sản xuất hơn 10.500ha lúa, trong đó trên 90% diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, có 14 vùng sản xuất được cấp mã số vùng trồng với diện tích 294,64ha. Hình thành nhiều vùng sản xuất Lúa tập trung quy mô lớn có liên doanh liên kết. Công tác tích tụ ruộng đất trên đất trồng lúa được thực hiện quyết liệt, đến nay đã tập trung tích tụ được 637ha tại 03 xã Trường Sơn, Tùng Ảnh và Bùi La Nhân; các địa phương còn lại đã

xây dựng Kế hoạch và sẽ thực hiện tích tụ trong năm 2024. Đây là cơ sở, nền tảng để xây dựng các mô hình phát triển kinh tế tập trung hàng hóa quy mô lớn có ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất theo hướng liên doanh, liên kết...

Hiện nay toàn huyện có 12 cơ sở sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích 230 ha; 98ha lúa sản xuất theo hướng hữu cơ trên ruộng rươi cây tại 03 xã Yên Hồ, Bùi La Nhân, Quang Vĩnh. Có 01 sản phẩm gạo đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao (Gạo Thê Cường) và 01 sản phẩm được chứng nhận HACCP. Hợp tác với Tập Đoàn Quế Lâm xây dựng 03 mô hình sản xuất Lúa hữu cơ tại 03 xã Yên Hồ (01 ha), Bùi La Nhân (02ha), Lâm Trung Thủy (5ha), 01 mô hình sản xuất rau hữu cơ tại Thị trấn (500m²).

+ Rau các loại:

Diện tích hàng năm đạt 850 – 950 ha, năng suất bình quân 70 tạ/ha, sản lượng rau hàng năm khoảng 6.000 tấn đáp ứng khoảng 50-60% nhu cầu sử dụng trên địa bàn huyện. Dần hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau như:

Vùng Thị trấn và ven thị trấn: với DT hơn 144ha, năng suất khoảng 62 tạ/ha, sản lượng khoảng 900 tấn. Chuyên sản xuất các loại rau lấy lá, rau gia vị, dưa chuột, mướp, cà, rau cải các loại, bắp cải, sup lơ...

Vùng chuyên sản xuất rau tại xã Bùi La Nhân: Diện tích sản xuất rau cả năm 125ha, năng suất khoảng 64-65 tạ/ha, sản lượng khoảng 820-830 tấn. Các loại rau chủ yếu: rau lấy lá, rau gia vị, dưa chuột, mướp, cà, rau cải các loại, bắp cải, sup lơ... Hình thức sản xuất theo phương thức chủ yếu theo hộ gia đình.

Vùng chuyên sản xuất đậu Cô ve tại xã Liên Minh: diện tích sản xuất rau cả năm, trong đó diện tích sản xuất đậu cô ve khoảng 30-35ha;

Vùng chuyên sản xuất hành, kiệu: Tập trung tại các xã An Dũng, Tân Dân, Lâm Trung Thủy, diện tích khoảng 110ha, được trồng ở các vùng chuyên sản xuất hành kiệu và tại vườn hộ.

Là vùng có diện tích sản xuất rau khá lớn, tuy nhiên các vùng sản xuất rau có quy mô diện tích nhỏ lẻ, không tập trung, và chủ yếu sản xuất theo hình thức nông hộ. Người dân trên địa bàn huyện đã có kinh nghiệm sản xuất, được tập huấn về tổ chức sản xuất rau an toàn. Tuy nhiên chưa có cơ sở, tổ chức, cá nhân nào được công nhận sản xuất rau đạt tiêu chuẩn an toàn, VietGap, hữu cơ. Hiện nay UBND đang hợp tác với Tập Đoàn Quế Lâm xây dựng 01 mô hình sản xuất rau hữu cơ tại Thị trấn (500m²).

+ Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả gần 600ha, trong đó cây có múi 314 ha. Đến nay đã có 01 THT sản xuất cam tại xã Đức Lạng được cấp chứng nhận VietGAP với diện tích 7,5ha; 01 sản phẩm được chứng nhận OCOP 3 sao (Bưởi Trầm Bàng).

2. Lĩnh vực chăn nuôi:

Trong thời gian qua, ngành chăn nuôi đạt nhiều kết quả nổi bật, đóng góp vào tăng trưởng chung của nông nghiệp, với phương châm phát triển theo hướng bền vững, hình thành các chuỗi liên kết quy mô lớn, tập trung, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Đến nay, tổng đàn trâu bò 27.922 con; đàn lợn 29.386 con; đàn gia cầm 803.240 con. Các địa phương, ban ngành đoàn thể luôn quan tâm, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; Từng bước nâng cao chất lượng

con giống, nâng tỷ lệ đàn nái ngoại chiếm trên 45% tổng đàn lợn, bò Zêbu, bò chất lượng cao trên 85% tổng đàn. Toàn huyện có 20 trang trại quy mô lớn và vừa sản xuất theo chuỗi liên kết với các công ty, cụ thể:

+ Chăn nuôi Lợn: Tổng đàn ổn định trên dưới 30.000 con. Toàn huyện có 17 trang trại chăn nuôi lợn có liên kết với các doanh nghiệp (Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Công ty CP) quy mô từ 500 con đến 1.500 con/ lứa (An Dũng: 7 cái; Tân Hương: 5 cái, Đức Lạng: 2 cái, Bùi La Nhân: 1 cái, Đức Đồng: 1 cái, Tân Dân: 1 cái). Có 05 Trang trại chăn nuôi lợn được cấp VietGAP, tuy nhiên đến nay đã hết hiệu lực. Hợp tác với Tập Đoàn Quế Lâm xây dựng 05 mô hình chăn nuôi lợn hữu cơ trong đó 03 mô hình quy mô 3 lợn nái; 01 mô hình quy mô 03 lợn nái và 10 lợn thương phẩm; 01 mô hình quy mô 03 lợn nái và 20 lợn thương phẩm.

+ Chăn nuôi gà: Duy trì ổn định và phát triển tổng đàn gia cầm từ 750.000-800.000 con. Toàn huyện có 03 trang trại chăn nuôi gia cầm thương phẩm có liên kết với các doanh nghiệp (Japfa) quy mô 5.000 -10.000 con/ lứa (An Dũng: 2 cái, Tùng Ảnh: 1 cái). Hợp tác với Tập Đoàn Quế Lâm xây dựng 01 mô hình chăn nuôi gà hữu cơ quy mô 40 con tại xã Tân Hương:

+ Chăn nuôi trâu bò: Duy trì ổn định và phát triển tổng đàn gia súc 29.000-32.000 con.

3. Lĩnh vực thủy sản:

Tổng diện nuôi trồng thủy sản toàn huyện có 883,7 ha; sản lượng bình quân hàng năm giao động từ 2.000 - 2.200 tấn. Hàng năm ương nuôi khoảng 1,5-1,8 triệu con cá giống các loại. Trên địa bàn huyện có trên 20 mô hình nuôi ốc bươu đen thương phẩm trong ao đất, mô hình nuôi cá lóc, cá leo, các lồng tập trung tại các địa phương: An Dũng, Tân Dân, Đức Lạng, Bùi La Nhân, nuôi lươn trong bể xi măng lót bạt xã Yên Hồ.

Về sản xuất hữu cơ, hiện nay toàn huyện có 195ha thu lợi nguồn rươi cáy trên ruộng lúa tại các xã Yên Hồ, Quang Vĩnh, Bùi La Nhân, Liên Minh, Tùng Châu. Đặc điểm của sản xuất lúa trên ruộng rươi là 100% không dùng thuốc trừ sâu hóa học, không sử dụng phân hóa học mà chỉ sử dụng phân chuồng ủ hoai để đảm bảo sự phát triển của rươi, cáy. Mỗi năm cho thu từ 40-45kg rươi và cáy, thu nhập từ thu hoạch rươi cáy bình quân từ 150-180 triệu/ha/năm.

4. Lĩnh vực chế biến và thị trường sản phẩm

4.1. Chế biến:

- Xay xát lúa, gạo, ngô: toàn huyện có 215-220 cơ sở đang hoạt động dưới hình thức hộ gia đình, có quy mô nhỏ, nguồn nguyên liệu tại chỗ, tập trung nhiều ở các xã Thanh Bình Thịnh, Lâm Trung Thủy, An Dũng, Bùi La Nhân với sản phẩm chính là các loại gạo, bột gạo, bột ngô chủ yếu được tiêu thụ nội địa, số ít được xuất sang Lào, khả năng cạnh tranh so với các mặt hàng cùng loại của các địa phương khác chưa cao.

- Sản xuất bún, bánh (bánh tráng, bánh mướt, bánh gai, bánh đa nem), miến, phở: hiện có 35-40 cơ sở, phần lớn có quy mô nhỏ, một số nơi đã hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã làm bún, bánh gai ở thị trấn Đức Thọ; làm bánh đa (Thị trấn, Trường Sơn, Tân Dân) Chủ yếu sử dụng gạo làm nguyên liệu để sản xuất với thiết bị cơ giới hóa ở một số công đoạn, gồm: máy xay, máy ép, máy hòa bột, máy đánh bột, lò hấp, băng chuyền, máy cắt,...và một số thiết bị khác. Các sản phẩm được

cung cấp cho các nhà hàng, đại lý bán buôn hoặc được bán lẻ tại các chợ, nhà hàng, quán ăn... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong huyện. Một số sản phẩm như bánh gai Đức Yên đã được công nhận là sản phẩm OCOP.

- Chế biến, bảo quản kinh doanh lạc, đậu, vừng: hiện có 10-12 cơ sở kinh doanh lạc, đậu với hình thức sản xuất chủ yếu là hộ gia đình, công nghệ chế biến thủ công, thô sơ. Sản phẩm chủ yếu là lạc, đậu sơ chế, dầu lạc, dầu vừng được bán cho các đại lý lớn hơn để xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa. Hiện nay, một số cơ sở như: Công ty TNHH Thống Tuấn ở xã Tùng Ảnh (Đức Thọ), các hộ sản xuất kinh doanh: Võ Thị Hồng Soa- xã Tùng Châu, Nguyễn Hữu Minh- xã Đức Lạng, Trần Minh Hải- xã Hoà Lạc- huyện Đức Thọ với sản phẩm dầu lạc, dầu vừng đã được công nhận là sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Nguồn nguyên liệu chủ yếu từ sản xuất lạc trên địa bàn

Tuy nhiên, chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện còn nhiều hạn chế, hầu hết các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu với quy mô nhỏ, thiết bị và công nghệ thấp, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, sản phẩm chưa đa dạng, mẫu mã chưa phong phú và còn mang tính thời vụ, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường và thị hiếu của người tiêu dùng.

4.2. Thị trường tiêu thụ

- Cửa hàng, cơ sở kinh doanh nông sản hữu cơ: bước đầu đã hình thành các cửa hàng kinh doanh thực phẩm nông nghiệp tiêu biểu và sản phẩm OCOP, sản phẩm vùng miền ở các xã: Lâm Trung Thủy, Đức Lạng và Thị trấn... Bên cạnh đó, tỉnh đã phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm xây dựng 01 cơ sở kinh doanh và giới thiệu các sản phẩm hữu cơ ở Thị trấn Đức Thọ với đa dạng các mặt hàng nông sản như: Gạo, thịt lợn, bánh đa, các loại trái cây (cam, bưởi, ổi, dưa hấu,...). Các cửa hàng, cơ sở kinh doanh đều được tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, thiết kế tư vấn cửa hàng và bán hàng chuyên nghiệp. Sản phẩm được nhiều khách hàng quan tâm, ủng hộ và tiêu thụ nhiều nhất vẫn là: gạo hữu cơ, thịt lợn theo hướng hữu cơ và một số sản phẩm rau, củ quả.

- Sản phẩm trồng trọt chủ yếu được các tiểu thương trong và ngoài huyện thu mua nên giá cả không ổn định. Trên địa bàn huyện có một số doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác thu mua lúa, lạc trong đó có HTX thu mua chế biến nông sản xã Đức Lâm là cơ sở thu mua nông sản chế biến có công suất lớn, hằng năm HTX đã thu mua 14.000 - 16.000 nghìn tấn lúa, lạc, đậu xanh cho người dân...

- Đối với các sản phẩm lợn, gia cầm tại các trang trại gia công hoặc cho thuê được tiêu thụ theo chuỗi của các công ty, doanh nghiệp, xuất bán động vật sống (lợn thịt, gà thịt) ra các thị trường ngoài tỉnh.

Sản phẩm bò, lợn, gia cầm nông hộ, nhỏ lẻ chủ yếu đang tiêu thụ thị trường nội huyện và thông qua hệ thống thương lái trên toàn tỉnh... Nhìn chung tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc lớn vào sự biến động của thị trường, nhu cầu tiêu dùng của người dân, thương lái, giá cả bấp bênh, ...chưa có các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm cho người dân.

III. HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Hạ tầng giao thông nông thôn

Giao thông nông thôn đóng vai trò rất yếu trong sản xuất nông nghiệp. Để phục vụ cho quá trình vận chuyển, sản xuất, kinh doanh cùng với phong trào xây

dựng NTM các địa phương trong huyện đã thực hiện xây cứng hóa được nhiều tuyến đường giao thông, lũy kể đến nay đã có trên 800 km đường giao thông đã được cứng hóa. Tuy nhiên, một số đường trục nội đồng ở huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tuyến đường trục nội đồng còn nhỏ hẹp, chưa được mở rộng hoặc xây dựng cứng hóa, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và quá trình vận chuyển hàng hóa. Đường liên thôn, liên xóm đã dần được mở rộng, đổ nhựa và bê tông hóa giúp cho đường làng, ngõ xóm sạch đẹp, đời sống, văn hóa ngày càng được nâng cao.

2. Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu

Cơ sở hạ tầng thủy lợi có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và nông nghiệp hữu cơ nói riêng. Hiện nay trên địa bàn huyện có 493 km kênh mương, trong đó: công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tỉnh quản lý 32,92 km, xã quản lý 460,08 km, tỷ lệ kiên cố hoá kênh mương nội đồng do xã quản lý 95,8%. Hồ đập 32 cái, trong đó: công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tỉnh quản lý 02 hồ đập, địa phương quản lý 30 hồ đập. Trạm bơm 90 cái, trong đó: công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tỉnh quản lý 7 trạm bơm, địa phương quản lý 83 trạm bơm.

Về cơ bản, các công trình thủy lợi đã đáp ứng được phần lớn yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên để duy trì sản xuất lâu dài thì địa phương cần đầu tư, nâng cấp, cứng hóa hệ thống kênh mương để chủ động phục vụ nguồn nước cho việc tưới tiêu.

3. Hệ thống cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất

Hiện nay trên địa bàn huyện có 124 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó có 15 cơ sở kinh doanh giống, 55 cơ sở kinh doanh thuốc BVTV, 64 cơ sở kinh doanh phân bón, 36 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, 30 cơ sở kinh doanh thuốc Thú y (có 60 cơ sở kinh doanh 01 mặt hàng, 52 cơ sở kinh doanh 02 mặt hàng; 10 cơ sở kinh doanh 03 mặt hàng, 02 cơ sở kinh doanh 04 mặt hàng).

V. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có sản phẩm được công nhận hữu cơ, chỉ bước đầu hình thành các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ;

- Tập quán sản xuất vô cơ đã in sâu vào quá trình sản xuất, người sản xuất chưa có nhiều kiến thức, kinh nghiệm đối với sản xuất hữu cơ; bên cạnh đó, nguồn đất, nguồn nước cung ứng cho vùng sản xuất ngày có nhiều yếu tố hóa học, vì vậy cần nhiều thời gian để thay đổi cả về tư tưởng và thực địa;

- Nguồn lao động: Hiện nay lao động trẻ thường đi làm ăn xa, những người ở lại quê theo nghề trồng lúa phần lớn là người trung niên, khả năng tiếp cận khoa học công nghệ nhiều hạn chế;

- Trên địa bàn chưa có hệ thống cung ứng vật tư đầu vào cho sản xuất hữu cơ (nguồn giống, phân bón vi sinh, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ cây trồng, vật nuôi,...). Vốn đầu tư ban đầu để xây dựng cơ sở vật chất, đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ khá lớn ...

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, sâu bệnh dịch hại thường xuyên gây

hại nên khó khăn trong việc nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi quy trình sản xuất nghiêm ngặt, khó áp dụng, phải có thời gian dài cho quá trình chuẩn bị các điều kiện (chuyển đổi đất) đáp ứng yêu cầu của sản xuất; nguồn cung ứng vật tư đầu vào (phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc BVTV hữu cơ, thức ăn chăn nuôi,...) chưa chủ động, trong khi năng suất không thể cao hơn sản xuất vô cơ nên người dân chưa mặn mà hưởng ứng;

- Việc cấp giấy chứng nhận sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế do chi phí cao, quy trình thủ tục chứng nhận còn phức tạp, mất nhiều thời gian.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền, định hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế, chưa đủ sâu rộng đến các đối tượng có liên quan nên người dân tiếp cận với phương thức sản xuất mới còn dè dặt, e ngại.

- Sự vào cuộc của các cấp chính quyền chưa thực sự quyết liệt nên các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ vẫn còn khiêm tốn;

- Cơ chế chính sách, nguồn lực đầu tư chưa đủ mạnh để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, thúc đẩy các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ quy mô lớn, tập trung theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, mà hiện tại chỉ mới phát triển các mô hình quy mô nhỏ, có liên kết với một số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh;

- Chưa có chủ trương định hướng chung của tỉnh về phát triển nông nghiệp hữu cơ nên các địa phương đang tự triển khai thực hiện.

PHẦN II.

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM

Sản xuất hữu cơ, an toàn và xây dựng các sản phẩm nông nghiệp đạt Hữu cơ, an toàn là xu thế tất yếu của sản xuất nông nghiệp huyện nhà; Lấy doanh nghiệp, HTX, người sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị là mục tiêu, động lực để thực hiện Đề án nhằm tạo ra sự phát triển bền vững, có liên doanh liên kết (Liên kết giữa các nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nông và doanh nghiệp). Lấy thị trường làm mục tiêu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, kinh tế tuần hoàn góp phần phát triển du lịch sinh thái, hình thành một nền nông nghiệp đa giá trị.

Việc phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải có sự chỉ đạo quyết liệt của hệ thống chính trị các cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn, thực hiện kiên trì, bền bỉ.

Nguồn lực để thực hiện Đề án được huy động từ nội lực của người dân, đóng góp của Doanh nghiệp, HTX là chủ yếu; thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước hiện hành, lồng ghép các nguồn

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Phát triển sản xuất và chứng nhận nông nghiệp hữu cơ phải phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ cho các loại cây trồng vật nuôi có thế mạnh của huyện. Từ đó tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn, gắn với xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân. Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường và sức

khỏe con người, tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ; áp dụng các quy trình sản xuất, chế biến hữu cơ tiên tiến, hiện đại để kiểm soát tốt các nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ toàn huyện đạt khoảng 2,5 -3% tổng diện tích trồng trọt với các sản phẩm như: DT Lúa 150-200ha, DT rau 15-20ha, DT cây ăn quả 20ha; phát triển nguồn lợi rươi cây trên 195 ha ruộng lúa tại các xã Yên Hồ, Quang Vĩnh, Bùi La Nhân, Tùng Châu, Liên Minh. Trong đó 50% DT được cấp giấy chứng nhận hữu cơ bởi các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện đánh giá, chứng nhận độc lập theo quy định của nhà nước.

- 200 ha/năm diện tích liên kết với Tập đoàn Quế Lâm sản xuất theo hướng hữu cơ.

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ khoảng 2-2,5% trên tổng sản phẩm chăn nuôi với các sản phẩm có tiềm năng lợi thế: Lợn thương phẩm, gà thương phẩm...

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 1,0 ha đất trồng trọt hữu cơ cao gấp 1,5 - 2 lần so với phi hữu cơ.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lựa chọn vùng, đối tượng để chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa.

1.1. Tiêu chí theo quy định

a) Các tiêu chí bắt buộc: là nhóm tiêu chí dựa trên các quy định và TCVN bắt buộc phải đáp ứng đối với các vùng sản xuất hữu cơ, trong đó tập trung vào các yêu cầu về quy hoạch (quy hoạch sản xuất tập trung, ổn định, quy hoạch vùng sản xuất an toàn, hữu cơ), điều kiện môi trường sản xuất (không gần vùng có nguy cơ ô nhiễm, điều kiện đất nước đạt các TCVN.

b) Các tiêu chí ưu tiên (không bắt buộc): là các tiêu chí cần thiết đối với sản xuất hữu cơ nhưng có thể cải thiện được trong quá trình sản xuất, gồm:

- Lịch sử sản xuất có mức độ đầu tư thâm canh thấp, ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

- Có vùng đệm được sản xuất bởi đối tượng cây trồng hoặc không cùng điều kiện canh tác với cây trồng dự kiến phát triển; có vùng đệm được sản xuất chăn nuôi bởi đối tượng vật nuôi khác với vật nuôi dự kiến phát triển chăn nuôi hữu cơ;

- Có ranh giới rõ ràng, thuận tiện cho việc khoanh vùng và hạn chế sự xâm nhập của các tác nhân ô nhiễm từ bên ngoài qua nguồn nước, giao thông và các hoạt động kinh tế khác;

- Có hệ thống tưới tiêu chủ động độc lập, không xảy ra ngập úng;

- Có điều kiện thời tiết, khí hậu phù hợp với đối tượng cây trồng dự kiến quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ;

1.2. Định hướng lựa chọn vùng, đối tượng

1.2.1. Vùng trồng trọt

Ưu tiên lựa chọn các vùng sản xuất đã có sản phẩm chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, lựa chọn các loại cây trồng có lợi thế, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường để sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Tổng diện tích canh tác nông nghiệp hữu cơ lĩnh vực trồng trọt đến năm 2030 đạt khoảng 500 ha, trong đó:

- Vùng sản xuất lúa hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 200ha. Tập trung tại các địa phương: Yên Hồ, Quang Vĩnh, Bùi La Nhân, Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Tân Dân... trong đó khoảng 100 - 150ha được cấp chứng nhận bởi các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện đánh giá, chứng nhận độc lập theo quy định của nhà nước.

- Vùng sản xuất rau, quả hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 20 ha. Tập trung tại các địa phương: Bùi La Nhân, Thị trấn, Liên Minh, Tùng Ảnh, An Dũng, Tân Dân, Hòa Lạc...

- Vùng sản xuất cây ăn quả hữu cơ, diện tích canh tác khoảng 20 ha. Tập trung tại các địa phương: Đức Lạng, Tân Dân, An Dũng, Tân Hương...

- Ngoài ra liên kết với Tập đoàn Quế Lâm sản xuất Lúa, rau, cây ăn quả tại các xã điều kiện.

1.2.2. Vùng chăn nuôi, Thủy sản

Lựa chọn xây dựng các mô hình chăn nuôi hữu cơ, theo hướng hữu cơ, chăn nuôi theo tiêu chuẩn quy chuẩn, chăn nuôi an toàn với các loại vật nuôi: lợn, bò, gia cầm, hươu, ong, dê ...; ưu tiên lựa chọn các cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi gắn với các vùng sản xuất phù hợp để phát triển nông nghiệp hữu cơ, ưu tiên phát triển các vùng sản xuất đã có cây thức ăn (rau xanh, cỏ, lúa, ngô...) làm nguồn nguyên liệu thức ăn cho chăn nuôi. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ, theo hướng hữu cơ, chăn nuôi tiêu chuẩn, chăn nuôi an toàn đạt khoảng 2% tổng sản phẩm chăn nuôi vào năm 2030, trong đó:

- Chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn, an toàn tập trung tại các địa phương: Đức Lạng, Đức Đồng, Tân Hương, An Dũng, Tân Dân, Tùng Ảnh...

- Chăn nuôi bò theo hướng hữu cơ, hữu cơ, đạt tiêu chuẩn: Gắn với các vùng trồng trọt hữu cơ (trồng cỏ, trồng lúa, trồng ngô,...) tạo vùng nguyên liệu thức ăn cho chăn nuôi. Tập trung tại các địa phương: Tân Hương, An Dũng...

- Chăn nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ, hữu cơ: Tập trung phát triển tại các vùng như: Tân Hương, Đức Lạng, An Dũng, Tùng Ảnh, Đức Đồng ... gắn với vùng sản xuất trồng trọt hữu cơ, tạo mô hình chăn nuôi tuần hoàn, hữu cơ; tạo chuỗi chăn nuôi gà thịt hữu cơ, trứng gà hữu cơ.

- Phát triển nguồn lợi rươi, cáy tại các xã: Yên Hồ, Quang Vĩnh, Bùi La Nhân, Tùng Châu, Liên Minh.

2. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị làm nơi tham quan, học tập kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp - PTNT, Trung tâm khuyến nông tỉnh xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ theo “Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2030”.

Ngoài ra phối hợp với Tập Đoàn Quế Lâm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, cụ thể:

- Mô hình sản xuất lúa: Tại các xã Yên Hồ, Lâm Trung Thủy, Bùi La Nhân, Tân Dân, Thanh Bình Thịnh, An Dũng...;

- Mô hình sản xuất rau: tại Thị Trấn, Bùi La Nhân, Liên Minh, Tùng Ảnh, Tân Dân, Hòa Lạc, An Dũng...

- Mô hình chăn nuôi: Đức Lạng, Đức Đồng, Tân Dân, An Dũng, Tân Hương, Hòa Lạc...

3. Đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Đối tượng đào tạo, tập huấn: cán bộ cốt cán từ huyện đến cơ sở; cán bộ quản lý của các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp; đào tạo nghề cho người lao động theo các mô hình, dự án cụ thể.

- Nội dung: kiến thức chung về nông nghiệp hữu cơ, kỹ thuật sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất phân hữu cơ từ phụ phẩm, xây dựng nhãn hiệu, ...

4. Hình thành hệ thống cung ứng vật tư đầu vào và dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Kêu gọi các doanh nghiệp hình thành chuỗi cung ứng vật tư đầu vào, phục vụ sản xuất hữu cơ gắn với thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và kinh doanh sản phẩm hữu cơ trên địa bàn huyện;

- Hình thành và phát triển mô hình cộng đồng, thu gom, tái sử dụng phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, chất thải chăn nuôi đem ủ phân compost hoặc xử lý bằng sản phẩm vi sinh vật, tạo nguồn nguyên liệu để sản xuất phân bón hữu cơ. Thiết kế các modul về xử lý để hướng dẫn cho cộng đồng xây dựng và thực hiện.

5. Chế biến sản phẩm, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm.

- Kết nối các cơ sở chế biến giò chả, miến gạo, bún bánh trên địa bàn huyện, tinh sử dụng nguyên liệu đạt chuẩn hữu cơ để chế biến sản phẩm;

- Xây dựng thương hiệu gạo hữu cơ Đức Thọ, đưa sản phẩm nông nghiệp Đức Thọ vươn xa trên thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Phát triển các cửa hàng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; kết nối, đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào các cửa hàng OCOP, các siêu thị trên địa bàn trong và ngoài huyện;

- Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc để đáp ứng yêu cầu của các thị trường và xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm hữu cơ chủ lực của huyện;

- Tăng cường chuyển đổi số và thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Thu hút, khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ theo chuỗi liên kết

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ, từng bước thay đổi nhận thức về sản xuất truyền thống, tiến đến nền nông nghiệp hữu cơ an toàn, bền vững. Triển khai sâu, rộng cho người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng nắm bắt các nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Đức Thọ giai đoạn 2024 – 2030, Chỉ thị số 40-CT/HU ngày 28/3/2024 của BTV Huyện ủy về tập trung chỉ đạo sản xuất Nông nghiệp hữu cơ;

- Tổ chức các hội thảo, tập huấn, phổ biến kiến thức về lợi ích của sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho người dân. In ấn, phát hành tài liệu, tờ rơi, áp phích tuyên truyền về sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức các chuyến tham quan học tập mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở trong và ngoài huyện.

2. Hỗ trợ về kỹ thuật và nguồn lực

Xây dựng đội ngũ cán bộ, khuyến nông có trình độ chuyên môn về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho người sản xuất; cung ứng giống cây trồng chất lượng cao. Khâu nối với các công ty sản xuất phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học để cung ứng cho người dân. Tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

3. Xây dựng thương hiệu và thị trường cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

Hỗ trợ người dân đăng ký chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của huyện; tổ chức các hội chợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của huyện đến người tiêu dùng; khuyến khích khâu nối để các doanh nghiệp, siêu thị tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

4. Khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Khuyến khích người dân thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

5. Tăng cường quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ

- Tăng cường quản lý trên lĩnh vực sản xuất, đảm bảo đúng đối tượng, quy trình, tiêu chuẩn, các loại vật tư đầu vào được sử dụng,... nhằm đảm bảo sản xuất hữu cơ theo đúng theo quy định;

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sản phẩm đã được chứng nhận theo quy định;

5. Chính sách

Giai đoạn 2024-2030, đề xuất chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ như sau: Sản xuất nông nghiệp hữu cơ được hưởng các chính sách hiện hành theo quy định. Ngoài ra, được hưởng các chính sách đặc thù như sau:

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ: định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông;

- Hỗ trợ, xây dựng nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN: định mức hỗ trợ chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú ý được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

- Thương theo kết quả đầu ra khi sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ như đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và được hưởng các chính sách về xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP được quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp - PTNT

- Là cơ quan thường trực thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm toàn diện về việc tham mưu Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án; tham

muu UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện hàng năm, căn cứ vào tình thực hiện các nội dung của Đề án tham mưu kịp thời UBND điều chỉnh các nội dung đề án cho phù hợp với điều kiện thực tiễn triển khai; hàng năm rà soát, đề xuất kinh phí thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ngành có liên quan hướng dẫn doanh nghiệp và người dân tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước theo đúng các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất lúa hữu cơ, theo hướng hữu cơ.

2. Trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn về quy trình kỹ thuật sản xuất lúa hữu cơ; phối hợp với các xã, thị trấn để tổ chức sản xuất, chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đảm bảo quy trình, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất lúa hữu cơ để áp dụng thống nhất.

- Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân sản xuất đạt chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ theo đúng các quy định hiện hành.

3. Phòng Tài chính – kế hoạch

- Tham mưu UBND huyện lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan để tạo nguồn lực tổng hợp, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất lúa hữu cơ.

- Tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí hỗ trợ hàng năm; chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT và các phòng ban liên quan, UBND xã, thị trấn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức, cá nhân đăng ký làm nhãn mác, bao bì và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Đức Thọ; hỗ trợ tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ; hỗ trợ thực hiện đối với các chính sách liên quan nhãn hiệu, thương hiệu do ngành phụ trách.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn các xã, thị trấn quy hoạch, thiết kế đồng ruộng đảm bảo đồng bộ hệ thống đường giao thông, kênh mương phục vụ vùng sản xuất

5. Phòng Tài nguyên - Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND huyện về kế hoạch tích tụ ruộng đất hàng năm; quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ.

- Chủ trì hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy trình, thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chịu trách nhiệm trước UBND huyện trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tại địa phương; tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách phát triển Đề án; vận động người dân tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tổ chức chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất, chế biến, tiêu thụ lúa, gạo đến hộ sản xuất.

- Bố trí ngân sách địa phương và lồng ghép các chính sách hiện hành để thực hiện đề án.

7. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất có liên quan

Trên cơ sở Đề án của huyện các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp với các phòng, ban, ngành chuyên môn cấp huyện và các địa phương tổ chức thực hiện các có hiệu quả các nội dung của Đề án./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp - PTNT (B/c);
- TTr Huyện uỷ, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, PCT, Ủy viên UBND huyện (Chỉ đạo);
- Trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp (Chỉ đạo);
- 16 xã, thị trấn; HTX NN (thực hiện);
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Đức